



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: **1196/QĐ-VACI** ngày 09 tháng 07 năm 2025
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Cơ khí và Kiểm tra Không phá hủy**

Laboratory: **Mechanical and Non-Destructive Testing Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP II**

Holding organization: **INDUSTRIAL INSPECTION CENTER II**

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Điện – Điện tử; Không phá hủy, Cơ tính**

Field of testing: **Electrical - Electronic Testing; Non-Destructive Testing, Mechanical Testing**

Người đại diện/ Representative: **Võ Duy Lễ**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT No.	Họ và tên Full name	Phạm vi được ký (các phép thử) Scope of signature authority (tests)
1.	Võ Duy Lễ	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
2.	Nguyễn Minh Hùng	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
3.	Lê Phong	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
4.	Bùi Ánh Trung	Tất cả các phép thử Cơ được công nhận All accredited Mechanical tests
5.	Nguyễn Nam Trung	Tất cả các phép thử Điện-điện tử, NDT được công nhận All accredited Electrical - Electronic, NDT tests
6.	Hoàng Văn Dương	Tất cả các phép thử Điện – điện tử, NDT được công nhận All accredited Electronic – Electrical, NDT tests

Số hiệu/Code: **VALAS 137**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **19/ 03/ 2029**

Địa chỉ công ty/Headquarters:

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

No.12, Nguyen Thi Minh Khai Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

*(Kèm theo quyết định số: 1196/QĐ-VACI ngày 09 tháng 07 năm 2025
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)*

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location:

Địa chỉ 1/ Location No.1:

Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

No.244, Bui Van Ba Street, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City.

Địa chỉ 2/ Location No.2:

Thửa đất số 2757, Tờ bản đồ số 6BT3, Khu phố Trung Thắng, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Land plot 2757, map sheet no 6BT3, Trung Thang Quarter, Dong Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Ề TI
V
;ÔNG
HẤT
VIỆ
y lậ

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phép thử <i>Test name</i>	Phạm vi đo/ giới hạn định lượng (nếu có) <i>Measurement range/quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Hệ thống chống sét, nối đất an toàn <i>Lightning protection, safe grounding systems</i>	Đo điện trở tiếp đất <i>Measurement of grounding resistance</i>	(0 ÷ 2000) Ω	BS 7430:2011 IEEE 81-2012
2.	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp; thiết bị điện xoay chiều có điện áp đến 1000V <i>Low voltage electrical installation system; AC electrical equipment with voltage up to 1000V</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	(0 ÷ 2) GΩ	IEEE 43-2013 TCVN 7447-6:2011

CHỖ CHỮ
 ĐƯỢC CÔNG NHẬN
 LƯU Ý
 T NAI
 ★ WWW

Lĩnh vực thử nghiệm: Không phá hủy

Field of testing: Non-Destructive

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phép thử <i>Test name</i>	Phạm vi đo/ giới hạn định lượng (nếu có) <i>Measurement range/quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Vật liệu kim loại <i>Metal materials</i>	Đo chiều dày bằng siêu âm dò tay <i>Measurement of thickness by hand ultrasound</i>	(0,8 ÷ 300) mm	TCVN 6735:2018 ASTM E797:2015
2.	Môi hàn <i>Weld</i>	Kiểm tra siêu âm <i>Ultrasound examination</i>	(8 ÷ 200) mm	TCVN 6735:2018 ASME Section V Article 4:2019
3.	Các bán thành phẩm, sản phẩm kim loại và phi kim loại <i>Semi-finished products and products of metal and non-metal</i>	Kiểm tra thẩm thấu <i>Penetration test</i>	-	TCVN 4617:2018 ASME Section V Article 6:2019
4.	Chi tiết, bán thành phẩm, sản phẩm chế tạo bằng vật liệu sắt từ <i>Ferromagnetic materials parts, semi-finished products and products</i>	Kiểm tra hạt từ <i>Magnetic particles tests</i>	-	TCVN 4396:2018 ASME Section V Article 7:2019



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1196/QĐ-VACI ngày 09 tháng 07 năm 2025
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phép thử <i>Test name</i>	Phạm vi đo/ giới hạn định lượng (nếu có) <i>Measurement range/quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
5.	Thép <i>Steel</i>	Phân tích thành phần kim loại <i>Metal composition analysis</i>	C: (0,006 ÷ 1,7) %	ASTM E1086-94 ASTM E1251-2017A ASTM E415-2021 TCVN 8998:2018
			Si: (0,0065 ÷ 2,5) %	
			Mn: (0,004 ÷ 2,4) %	
			P: (0,003 ÷ 0,150) %	
			S: (0,002 ÷ 0,105) %	
			Cr: (0,006 ÷ 2,2) %	
			Ni: (0,008 ÷ 1,7) %	
			Cu: (0,002 ÷ 0,6) %	
			Mo: (0,003 ÷ 1,9) %	
			AL: (0,0025 ÷ 2,2) %	
			V: (0,002 ÷ 1,150) %	



Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phép thử <i>Test name</i>	Phạm vi đo/ giới hạn định lượng (nếu có) <i>Measurement range/quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Mối hàn trên thép thanh, thép ống <i>Welds on steel bars and steel pipes</i>	Thử kéo <i>Pulling test</i>	(0 ÷ 1000) KN	TCVN 8310:2010
2.		Thử uốn <i>Bending test</i>	(0 ÷ 180)°	TCVN 5401:2010
3.	Ống kim loại <i>Metal pipe</i>	Thử kéo <i>Tensile test</i>	(0 ÷ 1000) KN	TCVN 197-1: 2014
4.		Thử nén bẹp <i>Flat compression test</i>	(D10 ÷ D125)	TCVN 1830:2008
5.	Thép hình, thép tấm <i>Shaped steel, steel plate</i>	Thử kéo <i>Tensile test</i>	(0 ÷ 1000) KN	TCVN 197-1: 2014
6.		Thử uốn <i>Bending test</i>	(0 ÷ 180)°	TCVN 198:2008
7.	Van an toàn <i>Safety valve</i>	Thử áp suất mở xả <i>Discharge opening pressure test</i>	(0,5÷600) bar	QTTN-VAT72 TCVN 7915-1:2009 API 257:2014
8.		Thử áp suất đóng <i>Closing pressure test</i>		
9.		Thử áp suất kín <i>Sealed pressure test</i>		
10.	Nồi hơi, thiết bị áp lực <i>Steam boilers, pressure equipment</i>	Thử kín <i>Sealed test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar (400÷ 500) bar	QCVN 01:2008/BLĐTBXH QTKĐ: 01-2017/BCT QTKĐ: 02-2017/BCT QTKĐ: 03-2017/BCT



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1196/QĐ-VACI ngày 09 tháng 07 năm 2025
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phép thử <i>Test name</i>	Phạm vi đo/ giới hạn định lượng (nếu có) <i>Measurement range/quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
11.		Thử bền <i>Durability test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar (400÷ 500) bar	QTKĐ:01- 2016/BLĐT BXH QTKĐ: 07- 2016/BLĐT BXH TCVN 8366:2010 TCVN 6155:1996 TCVN 6156:1996
12.	Chai chứa khí <i>Gas cylinder</i>	Thử kín <i>Sealed test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar (400÷ 500) bar	QCVN 01:2008/BLĐT BXH QCVN 04:2013/BCT QCVN 02:2017/BCT QCVN 16:2022/BCT QTKĐ: 08-2017/BCT QTKĐ: 06- 2021/BLĐT BXH TCVN 7832:2007 TCVN 6294:2007 TCVN 8366:2010 ASME section II
13.		Thử bền <i>Durability test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar (400÷ 500) bar	
14.		Thử giãn nở thể tích <i>Volume expansion test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar	
15.		Thử nổ <i>Explosion test</i>	(0÷30) bar (30÷60) bar (60÷100) bar (100÷160) bar (160÷260) bar (260÷400) bar (400÷ 500) bar	





PHỤ LỤC ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1196/QĐ-VACI ngày 09 tháng 07 năm 2025
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standards*;
- BS: Tiêu chuẩn Anh quốc / *British Standards*;
- IEEE: Hội Kỹ sư Điện – Điện tử / *Institute of Electrical and Electronics Engineers*.
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*.
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam/ *Vietnam National Technical Regulation*.
- QTKĐ: Quy trình kiểm định/ *Verification process*.
- BLĐTBXH: Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội/ *Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs*.
- BCT: Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade*.
- QTTN: Phương pháp nội bộ/ *Method Inhouse*.

(*) Trường hợp Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Kiểm tra Không phá hủy thuộc Trung tâm Kiểm định Công nghiệp II cung cấp dịch vụ Thử nghiệm phương tiện đo, chất lượng sản phẩm hàng hóa thì Phòng Thử nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

CHẤT LƯỢNG